

NGUYÊN TẮC PHÙ HỢP VÀ SỰ VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC PHÙ HỢP VÀO HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

PRINCIPLES APPROPRIATE AND MANIPULATION PRINCIPLES APPROPRIATE IN ACCOUNTING STANDARD SYSTEM

SVTH: Trần Thị Hoàng Hà

Lớp 08A3, Ngành Kế toán – Tin học, Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin

GVHD: CN. Nguyễn Thị Hương Mai

Bộ môn Kế toán – Tin học, Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin

TÓM TẮT

Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi là một hệ thống bao gồm các giả định về môi trường kế toán. Các khái niệm cơ bản của kế toán và các nguyên tắc kế toán chủ yếu được những người hành nghề kế toán chấp nhận rộng rãi nhằm tạo sự thống nhất việc sử dụng và trình bày các thông tin kế toán. (GAAP). Các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận bao gồm chín nguyên tắc cơ bản. Trong đó, nguyên tắc phù hợp là nguyên tắc đòi hỏi rằng chi phí phải được phản ánh cho phù hợp với doanh thu trong từng kỳ kinh doanh cụ thể. Bài báo cáo này giới thiệu việc nghiên cứu về sự vận dụng của nguyên tắc phù hợp vào hệ thống 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam.

ABSTRACT

The accounting principles which are widely accepted are a system consisted of hypotheses about the accounting environment. The fundamental accounting definitions and accounting principles are mostly accepted by accountants to unify the usage and display of accounting information. There're 9 general accounting principles which are accepted. In those, the suitable principle is the one acquiring that fees must be demonstrated to match the revenues of each specific period. This report introduces the study about the application of the principles appropriate on 26 standards accounting system of Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm 26 chuẩn mực cơ bản được Bộ tài chính ban hành theo các quyết định và thông tư. Mục đích của các chuẩn mực giúp quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán.

2. Các khái niệm cơ bản

2.1. Nguyên tắc kế toán Việt Nam

Trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của kế toán bao gồm 9 nguyên tắc:

Nguyên tắc cân đối: còn gọi là “kế toán kép” hay tính hai mặt. Theo đó quy định rằng mọi tài sản của một tổ chức đều được giải thích bởi các **nguồn hình thành** lên tài sản. Nguồn này có thể huy động từ vốn của chủ sở hữu hoặc do mua chịu hay vay mượn – tức các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc thước đo bằng tiền: theo nguyên tắc này, mọi tài sản và nguồn hình thành lên tài sản đều phải được thể hiện giá trị bằng tiền

Nguyên tắc đơn vị hạch toán: về mặt kế toán, mỗi đơn vị doanh nghiệp được xem là một

tổ chức độc lập với các doanh nghiệp khác và đặc biệt là độc lập với chủ sở hữu.

Nguyên tắc hoạt động liên tục: về mặt kế toán, một công ty được giả định là tiếp tục hoạt động từ năm này qua năm khác trừ khi có những bằng chứng cụ thể về việc phá sản hay ngừng hoạt động. Những ghi chép sổ sách đều dựa vào giả định này.

Nguyên tắc giá gốc: còn gọi là nguyên tắc chi phí quá khứ hay lịch sử. Theo nguyên tắc này, kế toán ghi chép giá trị tài sản theo giá gốc chứ không quan tâm tới giá thị trường của chúng. Vì việc xác định giá trị thị trường cho từng loại tài sản rất khó khăn. Mặt khác, tài sản của công ty sẽ được tiếp tục sử dụng cho các hoạt động của mình trong tương lai chứ không có ý định bán đi hay thanh lý để giải thể

Nguyên tắc thận trọng: còn gọi là nguyên tắc bảo thủ. Theo nguyên tắc này kế toán sẽ công nhận một khoản "lỗ" hay giảm vốn ngay khi nó được nghĩ rằng *có thể xảy ra* nhưng chỉ công nhận một khoản "lãi" hay tăng vốn khi nó đã *trở thành chắc chắn*

Nguyên tắc trọng yếu: Theo nguyên tắc này kế toán chỉ theo dõi và công khai những việc được xem là quan trọng và sẵn sàng bỏ qua, không quan tâm đến những sự việc được coi là không quan trọng.

Nguyên tắc thực tế: theo nguyên tắc này doanh thu được ghi nhận vào lúc việc giao nhận hàng hóa hay dịch vụ đã hoàn tất chứ không phải là thời điểm sản xuất hoàn thành hay thời điểm thanh toán tiền

Nguyên tắc phù hợp: chênh lệch của doanh thu và chi phí trong một kì kinh doanh là lợi nhuận của một kì kinh doanh đó. Nguyên tắc này đòi hỏi rằng chi phí phải được phản ánh cho *phù hợp* với doanh thu trong từng kì kinh doanh cụ thể.

2.2. Hệ thống chuẩn mực kế toán

Các chuẩn mực kế toán Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội - pháp luật của Việt Nam trong giai đoạn hiện tại và tương lai gần. Thực tế cho thấy, kể từ khi hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ra đời cho đến nay đã góp phần đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập, mở cửa về dịch vụ kế toán. Bên cạnh đó, nó còn thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán. Tóm lại, hệ thống chuẩn mực kế toán có vai trò không nhỏ trong việc quản lý tài chính tầm vĩ mô của Nhà nước thông qua hệ thống các cơ quan chức năng như thuế, thanh tra tài chính...

Quyết định số: 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 (4CM)

Quyết định số: 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 (6CM)

Quyết định số: 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 (6CM)

Quyết định số: 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 (6 CM)

Quyết định số: 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 (4CM)

Bảng 1. Bảng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	Tên chuẩn mực	Mã số	Quyền
1.	Chuẩn mực chung	01	II
2.	Hàng tồn kho	02	I
3.	Tài sản cố định hữu hình	03	I
4.	Tài sản cố định vô hình	04	I
5.	Thuê tài sản	06	II
6.	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái	10	II
7.	Doanh thu và thu nhập khác	14	I
8.	Hợp đồng xây dựng	15	II
9.	Chi phí vay	16	II
10.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24	II
11.	Bất động sản đầu tư	05	III
12.	Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết	07	III
13.	Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh	08	III
14.	Trình bày báo cáo tài chính	21	III
15.	Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con	25	III
16.	Thông tin vốn cơ bản liên quan	26	III
17.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17	IV
18.	Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự	22	IV
19.	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	23	IV
20.	Báo cáo tài chính giữa niên độ	27	IV
21.	Báo cáo bộ phận	28	IV
22.	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.	29	IV

23.	Hợp nhất kinh doanh	11	V
24.	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng	18	V
25.	Hợp đồng bảo hiểm	19	V
26.	Lãi trên cổ phiếu	30	V

“Nguồn: Cơ quan ban hành chuẩn mực kế toán, kiểm toán là Bộ tài chính”

3. Vận dụng nguyên tắc phù hợp vào 26 chuẩn mực kế toán

3.1. Chuẩn mực số 2 - Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường, đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ được dùng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ.

Khi ghi nhận chi phí hàng tồn kho, trước tiên ta phải xác định giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí khác. Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận. Tất cả các khoản chênh lệch giữa khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối niên độ kế toán năm nay phải lớn hơn khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ năm trước, các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho, sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra và chi phí chung không được phân bổ, được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Trường hợp khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ năm trước, thì chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập và ghi vào giảm chi phí sản xuất, kinh doanh. Ghi nhận giá trị hàng tồn kho đã bán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp một số loại hàng tồn kho được sử dụng để sản xuất ra tài sản cố định hoặc sử dụng như nhà xưởng, máy móc, thiết bị tự sản xuất thì giá gốc hàng tồn kho này được hạch toán vào giá trị tài sản cố định.

3.2. Chuẩn mực số 3 - Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình: là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình. Khi ta ghi nhận TSCĐ hữu hình, các tài sản ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi nhuận kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy
- Thời gian sử dụng ước tính trên một năm
- Có tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Theo chuẩn mực, khi sử dụng tài sản cố định hữu hình theo nguyên tắc phù hợp:

- Ta xác nhận giá trị ban đầu: tài sản cố định hữu hình phải được xác nhận theo nguyên giá.
- Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình trong từng trường hợp: TSCĐ hữu hình mua sắm, TSCĐ hữu hình xây dựng hoặc tự chế, TSCĐ hữu hình thuê tài chính, TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi, TSCĐ hữu hình tăng từ các nguồn khác
- Xác định chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu.
- Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu.
- Xác định khấu hao.
- Xem xét lại hời gian sử dụng hữu ích.
- Xem xét lại phương pháp khấu hao.
- Nhượng bán và thanh lý TSCĐ hữu hình.

3.3. Chuẩn mực số 4 - Tài sản cố định vô hình

Mục đích của chuẩn mực là hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán TSCĐ vô hình, gồm: tiêu chuẩn TSCĐ vô hình, thời điểm ghi nhận, xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý TSCĐ vô hình và một số quy định khác cơ sở ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

3.4. Chuẩn mực số 7 - Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. doanh thu được chia thành năm loại:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện: doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận không chia. Các doanh thu này của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau: có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Thu nhập khác.

3.5. Chuẩn mực số 1 - Chuẩn mực chung

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

3.6. Chuẩn mực số 6 - Thuê tài sản

3.7. Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái

Mục đích của chuẩn mực này là quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương

pháp kế toán những ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái trong trường hợp doanh nghiệp có cá giao dịch bằng ngoại tệ hoặc có các hoạt động ở nước ngoài. Các giao dịch bằng ngoại tệ và các báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài phải được chuyển sang đơn vị tiền tệ kế toán của doanh nghiệp, bao gồm: ghi nhận ban đầu và báo cáo tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái; chuyển đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài làm cơ sở ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.8. Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định và ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc và hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

3.9. Chuẩn số 16 - Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định tại đoạn 07. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực này.

3.10. Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

3.11. Chuẩn mực số 5 - Bất động sản đầu tư

Một bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu

3.12. Chuẩn mực số 5 - Kế toán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết

3.13. Chuẩn mực số 8 - Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh

3.14. Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính

Chuẩn mực này được áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3.15. Chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con

3.16. Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan

3.17. Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi nhận thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hay sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu tròn cùng kỳ hay một kỳ khác

3.18. Chuẩn mực số 22 - Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự

3.19. Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3.20. Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ

3.21. Chuẩn mực số 28 - Báo cáo bộ phận

3.22. Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán ước tính kế toán và các sai sót

3.23. Chuẩn mực số 11 - Hợp nhất kinh doanh

3.24. Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

3.25. Chuẩn mực số 19 - Hợp đồng bảo hiểm

3.26. Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu

4. Kết luận

Bài báo cáo đã nêu được sự vận dụng của nguyên tắc phù hợp vào hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Giúp xác định được doanh thu và chi phí của từng nghiệp vụ kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính (2006), *Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài chính.
- [2] Hồ Ngọc Cần (2007), *Những quy định cụ thể về hệ thống các chuẩn mực Kế toán Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- [3] Võ Văn Nhị (2007), *26 chuẩn mực Kế toán và Kế toán tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội.